

Số: /2026/TT-BGDĐT Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo
ban hành quy định về việc xác định số lượng tuyển sinh, chương trình
đào tạo, tuyển sinh và đào tạo cao đẳng ngành Giáo dục mầm non,
đại học và sau đại học**

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10 tháng 12
năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung
một số điều các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc
xác định số lượng tuyển sinh, quy định về chương trình đào tạo và các quy chế
tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non và các trình
độ đại học, sau đại học.*

Chương I

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY CHẾ TUYỂN SINH
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ NGÀNH GIÁO DỤC
MẦM NON TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG BAN HÀNH KÈM THEO
THÔNG TƯ SỐ 06/2026/TT-BGDĐT NGÀY 15/2/2026 CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Người dự tuyển trước khi đăng ký xét tuyển bao gồm:

- a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT do các đơn vị chức năng xác định;
- b) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học nghề cùng nhóm ngành dự tuyển;
- c) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển;”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 6 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Cơ sở đào tạo sử dụng tối đa 05 phương thức tuyển sinh và mỗi ngành đào tạo, chương trình đào tạo sử dụng 03 phương thức tuyển sinh áp dụng từ năm 2027 và 01 phương thức áp dụng từ năm 2028, không bao gồm phương thức xét tuyển thẳng, xét tuyển đối tượng cử tuyển.”

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung đề dẫn và một số điểm khoản 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung đề dẫn khoản 2 như sau:

“2. Mỗi phương thức tuyển sinh gắn với một mã số tại Phụ lục V và phải bảo đảm cơ hội cho tất cả các thí sinh tham gia xét tuyển, quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét bảo đảm chỉ có duy nhất một thang điểm xét tuyển, điều kiện trúng tuyển đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau đây:”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học bao gồm một trong các đối tượng sau đây:

- a) Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT của năm tuyển sinh theo tổ hợp xét tuyển của phương thức tuyển sinh đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30.

Trường hợp thí sinh không có điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp của phương thức tuyển sinh thì sử dụng tổng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác do Hiệu trưởng cơ sở đào tạo quyết định và thông báo tại Thông báo tuyển sinh đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30.

- b) Thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 (điểm a, c, d, đ), khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Quy chế này.

c) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có 36 tháng kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

d) Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nhưng không có bằng THPT và có 24 tháng kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

đ) Người dự tuyển có kết quả thi tốt nghiệp trung học nghề đạt mức điểm do Bộ trưởng Bộ GDĐT thông báo hằng năm được đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo trình độ đại học cùng nhóm ngành đào tạo.”

4. Sửa đổi, bổ sung nội dung đề dẫn khoản 7 như sau:

“7. Đối với một chương trình đào tạo sử dụng phương thức tuyển sinh gồm kết quả thi THPT, kết quả học tập THPT, kết quả thi THPT kết hợp với điểm thi năng khiếu, kết quả thi THPT kết hợp với điểm thi năng khiếu trong đó có các tổ hợp xét tuyển khác:”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 như sau:

“a) Cơ sở đào tạo xác định độ lệch điểm các tổ hợp theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT và quy đổi theo thang điểm 30; bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số khoản Điều 9 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 9 như sau:

“Điều 9. Yêu cầu đầu vào các chương trình đào tạo chính quy và thường xuyên”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Yêu cầu đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT (có từ một môn thi trở lên) đáp ứng đồng thời Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có) và ngưỡng đầu vào được quy định hằng năm như sau:”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Yêu cầu đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên và chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT đáp ứng đồng thời Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có) và đạt ngưỡng đầu vào quy định do Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định hằng năm và đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12;

b) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đối với các chương trình đào tạo Giáo dục thể chất, Sư phạm âm nhạc, Sư phạm mỹ thuật;

c) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 đối với các chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Yêu cầu đầu vào đối với đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT đáp ứng đồng thời Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có) và đạt ngưỡng đầu vào do Bộ trưởng Bộ Giáo dục đào tạo quy định hằng năm này và đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12;

b) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 đối với chương trình đào tạo Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hình răng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng cùng nhóm ngành dự tuyển trình độ đại học được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:

a) Đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo giáo viên, chương trình thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, chương trình thuộc lĩnh vực pháp luật trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này có bằng tốt nghiệp trung cấp xếp loại giỏi hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng loại khá trở lên.

b) Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học các chương trình đào tạo Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hình răng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục Thể chất ngưỡng đầu vào có bằng tốt nghiệp trung cấp xếp loại khá trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Đối với người đã có bằng đại học xếp hạng tốt nghiệp trung bình phải có kinh nghiệm 24 tháng công tác trừ trường hợp người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên, người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn được xét tuyển vào ngành đào tạo theo ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định.”

7. Bổ sung khoản 8, khoản 9 và khoản 10 vào sau khoản 7 như sau:

“8. Yêu cầu đầu vào đối với chương trình đào tạo không thuộc quy định tạo khoản 1 Điều này đáp ứng đồng thời Chuẩn chương trình đào tạo (nếu có) và đạt ngưỡng đầu vào do CSĐT quy định.

9. Đối với các chương trình đào tạo có tổ hợp xét tuyển không đủ 03 môn thi của Kỳ thi tốt nghiệp THPT, CSĐT sử dụng tối đa tổng số môn thi của Kỳ thi tốt nghiệp trong tổ hợp xét tuyển để xây dựng và quy định ngưỡng đầu vào tương ứng với thang điểm 30. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2026 đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của năm thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc năm dự tuyển.

10. Yêu cầu đầu vào các chương trình đào tạo đối với người dự tuyển tốt nghiệp trung học nghề đạt ngưỡng đầu vào đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Đáp ứng khoản 2 và khoản 8 Điều này của kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học nghề;

b) Kết quả trung bình chung học tập 3 năm của chương trình giáo dục trung học nghề học lực xếp loại từ giỏi trở lên đối với các chương trình đào tạo giáo viên, lĩnh vực sức khỏe, lĩnh vực pháp luật, xếp loại từ khá trở lên đối với các chương trình đào tạo còn lại do CSĐT quyết định.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung nội dung đề dẫn khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Cơ sở đào tạo xây dựng, công bố, thực hiện đúng cam kết thông tin tuyển sinh về đối tượng, điều kiện dự tuyển, nguồn tuyển, phương thức tuyển sinh, ngưỡng đầu vào, độ lệch điểm, tiêu chí phụ (nếu có); có trách nhiệm giải trình với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 15 như sau:

“c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn;”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

“b) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ xét tuyển theo nguyên tắc tính đúng tính đủ, không thu thêm lệ phí xét tuyển dưới bất kỳ hình thức nào đối với thí sinh đăng ký và nộp lệ phí xét tuyển qua Hệ thống xét tuyển chung.”

2. Bổ sung điểm d vào sau điểm c như sau:

“d) Tuân thủ quy trình xét tuyển, bảo đảm xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện đúng cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố; khai thác sử dụng dữ liệu tuyển sinh, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; giảm thiểu tối đa hồ sơ và thủ tục hành chính từ đăng ký xét tuyển đến nhập học; không yêu cầu thí sinh bổ sung các hồ sơ, giấy tờ, chứng chỉ, chứng nhận kết quả đã có trên Hệ thống dữ liệu tuyển sinh.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Quyết định việc điều chỉnh đăng ký xét tuyển, thời gian xét tuyển, đợt xét tuyển, thời gian công bố kết quả trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện dấu hiệu bất thường về nguồn tuyển; không áp dụng một số điều, khoản theo Quy chế này trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh, thay đổi của kỳ thi tốt nghiệp THPT và các trường hợp bất khả kháng khác nhưng không trái quy định của pháp luật.”

Điều 8. Bãi bỏ các khoản, cụm từ, bổ sung cụm từ tại các Điều 2, Điều 6, Điều 8, Điều 11, Điều 15 như sau:

a) Bãi bỏ: khoản 20 Điều 2, điểm c khoản 2 Điều 6; khoản 5 Điều 8;

b) Bỏ cụm từ “phương thức tuyển sinh,” tại khoản 13 Điều 2, điểm b khoản 3 Điều 15; bỏ cụm từ “điểm cộng” tại khoản 15 Điều 2, khoản 1 Điều 11; bỏ cụm từ “và điểm cộng” khoản 24 Điều 2; bỏ cụm từ “cả điểm cộng” tại điểm d khoản 2 Điều; bỏ cụm từ “và ưu tiên xét tuyển” tại tên Điều 8;

c) Bổ sung cụm từ “sự phạm” trước cụm từ “Mỹ thuật” tại khoản 4 Điều 6.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 34/2026/TT-BGDĐT NGÀY 19 THÁNG 4 NĂM 2026 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, THẠC SĨ, TIẾN SĨ VÀ SỐ LƯỢNG TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 3 như sau:

“4. Giảng viên hợp đồng toàn thời gian bao gồm cả giảng viên hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu theo quy định của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 và đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhà giáo hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu, ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chế độ làm việc của giảng viên đại học, giảng dạy trọn vẹn tối thiểu 01 học phần của chương trình đào tạo trong năm học trong năm xác định số lượng tuyển sinh, đồng thời không ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 03 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 4 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Không vượt quá năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo đối với nhóm ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;”

2. Bãi bỏ điểm đ.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, Điều 5 như sau:

“5. Cơ sở giáo dục đại học trọng điểm hoặc cơ sở giáo dục đại học đang thực hiện các đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện lộ trình xác định số lượng tuyển sinh đến năm 2030 và tuyển sinh để tỉ lệ người học ở các chương trình đào tạo trình độ bậc 7 và bậc 8 đạt tối thiểu 20% tổng số người học, trong đó tỉ lệ nghiên cứu sinh chiếm ít nhất 30% tổng số người học ở các chương trình đào tạo trình độ bậc 7 và bậc 8.”

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ 53/2026/TT-BGDĐT NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BAN HÀNH.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 3 như sau:

“a) Thời gian đào tạo thạc sĩ được tính từ thời điểm quyết định nhập học của người học có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành việc nộp luận văn hoặc hoàn thành các yêu cầu tốt nghiệp khác theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; trường hợp đào tạo thạc sĩ theo hình thức đào tạo chính quy tập trung toàn thời gian yêu cầu người học thực hiện học tập, nghiên cứu toàn thời gian theo kế hoạch học tập toàn khóa do cơ sở đào tạo ban hành, tham gia các hoạt động chuyên môn của cơ sở đào tạo, không làm việc toàn thời gian tại cơ quan, tổ chức khác trong thời gian học tập;”

Điều 13. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 4 như sau:

“8. Người học của phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo được sáp nhập, chia tách, giải thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quyết định sáp nhập, chia tách, giải thể phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo,”

Điều 14. Thay cụm từ “chỉ tiêu” thành “số lượng” tại khoản 4 Điều 15 như sau:

“4. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo chậm nhất 30 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ dự tuyển và phải bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết để người dự tuyển thực hiện việc đăng ký dự tuyển, tham gia tuyển sinh và theo học chương trình đào tạo, trong đó có các nội dung về điều kiện dự tuyển, ngành tuyển sinh, số lượng tuyển sinh, phương thức và kế hoạch tuyển sinh, chương trình đào tạo, học phí, chính sách hỗ trợ người học (nếu có) và các thông tin khác theo quy định của cơ sở đào tạo.”

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo để nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng. Trong đó định hướng

nghiên cứu nhằm phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới; định hướng ứng dụng nhằm giải quyết vấn đề, dự án, đề tài ứng dụng thực tiễn”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 22 như sau:

1. Bỏ cụm từ “độc lập” tại điểm a khoản 3 như sau:

“a) Có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án và đáp ứng tiêu chuẩn của người hướng dẫn quy định tại Điều 17 của Quy chế này;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

a) Bãi bỏ điểm b;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“b) Trường hợp có từ 02 ý kiến phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, cơ sở đào tạo yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và thực hiện quy trình phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện phản biện độc lập quá hai lần đối với cùng một luận án.”

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 34 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Đối với các khóa có thông báo tuyển sinh và công nhận trúng tuyển trước ngày 01 tháng 01 năm 2027, cơ sở đào tạo được tiếp tục tổ chức tuyển sinh, đào tạo và cấp văn bằng theo quy định của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT và Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT cho đến khi người học hoàn thành khóa học”

2. Bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4:

“5. Yêu cầu đầu vào đối với người dự tuyển và chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đối với người học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ tổ chức thực hiện theo Quy chế này áp dụng theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của trình độ, ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng.

Trường hợp chưa có chuẩn chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng, cơ sở đào tạo tiếp tục áp dụng yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định trong chương trình đào tạo đã được ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực cho đến khi

chuẩn chương trình đào tạo của trình độ, ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng được ban hành và áp dụng.

6. Đối với người học đã trúng tuyển và nhập học trước ngày 01 tháng 01 năm 2027 theo quy định của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở đào tạo xem xét, quyết định áp dụng thực hiện khoản 2 và 3 Điều 3, khoản 3 Điều 16, Điều 21, khoản 5 và 6 Điều 22, khoản 4 Điều 23 của Quy chế này trong trường hợp việc áp dụng có lợi hơn cho người học.”

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 54/2026/TT-BGDĐT NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 6 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ: người học phải tốt nghiệp đại học hoặc có văn bằng, trình độ bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc có văn bằng, trình độ bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Đối với chương trình đào tạo tích hợp, yêu cầu đầu vào của chương trình được xác định theo trình độ đào tạo của giai đoạn đầu tiên. Điều kiện chuyển tiếp giữa các giai đoạn phải phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và bảo đảm đáp ứng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của từng giai đoạn.”

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 9 như sau:

“b) Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp phải dành từ 06 đến 09 tín chỉ cho hoạt động thực tập; từ 06 đến 09 tín chỉ cho đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp trong trường hợp chương trình thiết kế có yêu cầu thực hiện đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp;”

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung tên chương trình đào tạo tại các mẫu số 4, 6A và 6B Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026 trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; bộ, ngành có liên quan; giám đốc các đại học, học viện; hiệu trưởng các trường đại học; thủ trưởng các cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học, hiệu trưởng các cơ sở đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Như Điều 22 (để thực hiện);
- Công báo; Cổng PLQG; CSDLQG về VBQPPL;
Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, GDDH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quân

PHỤ LỤC IV
Mẫu tham khảo các văn bản liên quan

Mẫu 4

BỘ, NGÀNH
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ... ngành ...

HIỆU TRƯỞNG

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ...;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng về việc thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo;

Căn cứ kết quả thẩm định Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ... ngành ... của Hội đồng Khoa học và Đào tạo/Hội đồng chuyên môn theo Biên bản số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ..., ngành ..., mã ngành

Nội dung chương trình đào tạo (tên chương trình) được thực hiện theo Chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chương trình đào tạo (tên chương trình) ban hành theo Quyết định này là căn cứ để tổ chức thực hiện và rà soát, đánh giá năng lực tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 6A

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ... ngành ...

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ hồ sơ đề nghị phê duyệt tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ... ngành ... của (tên cơ sở đào tạo) ...;

Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ... ngành ..., mã ngành ... được ban hành theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Hiệu trưởng (tên cơ sở đào tạo)...

Điều 2. Cơ sở đào tạo được tổ chức thực hiện, tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng đối với chương trình đào tạo (tên chương trình) quy định tại Điều 1 Quyết định này kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Cơ sở đào tạo có trách nhiệm duy trì đầy đủ các yêu cầu bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật, chuẩn chương trình đào tạo tương ứng và hồ sơ đã được phê duyệt; thực hiện trách nhiệm giải trình, cập nhật dữ liệu, công khai thông tin và chịu sự giám sát, kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền trong suốt quá trình tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (tên chương trình).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT....

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 6B

BỘ, NGÀNH
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ... ngành ...

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ...

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định cấp phép hoạt động giáo dục đại học số¹ ...;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ...;

Căn cứ Báo cáo rà soát năng lực tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ... ngành ... số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo (tên chương trình) trình độ ... ngành ..., mã ngành ... đã được ban hành theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2. Chương trình đào tạo (tên chương trình) quy định tại Điều 1 Quyết định này được tổ chức tuyển sinh và đào tạo kể từ khóa tuyển sinh năm Khoa, viện, đơn vị chuyên môn và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (tên chương trình); duy trì các yêu cầu bảo đảm chất lượng theo quy định và hồ sơ đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Áp dụng đối với các chương trình thuộc ngành đào tạo mới được cấp phép hoạt động bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 của cơ sở đào tạo.

PHỤ LỤC V
DANH MỤC MÃ SỐ CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Mã số	Tên phương thức xét tuyển	Ghi chú
1	100	Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	
2	101	Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THN	
3	200	Sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	
4	201	Sử dụng kết quả học tập cấp THN (học bạ)	
5	300	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	
6	401	Sử dụng kết quả Kỳ thi tuyển sinh chung của các cơ sở đào tạo	
7	402	Sử dụng kết quả kỳ thi riêng của CSĐT	
8	490	Sử dụng các chứng chỉ quốc tế đủ điều kiện	
9	500	Sử dụng phương thức kết hợp	
10	600	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT chương trình nước ngoài	
11	700	Sử dụng phương thức khác	